

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2023/HS-ST
Ngày 19-7-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Văn Khiếu;

2- Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tú và bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thị L, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 09-9-1987 tại huyện S- thành phố H. Nơi cư trú: Thôn M Đ- xã M- huyện S- thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đỗ Xuân Q (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L. Chồng là anh Phạm Văn Ch (Đã ly hôn), có hai con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014. Mẹ, con của bị cáo hiện đang sinh sống tại Thôn M Đ- xã M- huyện S- thành phố H. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 23-8-2022 đến ngày 07-12-2022 có quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

2. Mông Thị L. A, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 03-6-1988 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn S- xã M- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Mông Văn N và bà Triệu Thị Minh H. Chồng là anh Hoàng Văn H, có hai con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016. Bố mẹ, chồng con của bị cáo hiện đang sinh sống tại thôn S- xã M- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Trịnh Thanh T, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 09-9-1993 tại thị xã Đ- tỉnh Q. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu D- phường M- thị xã Đ- tỉnh Q. Nơi ở hiện nay: Số *** LK4A- KĐT M L- phường M- H Đ- thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh H, hiện đang sinh sống tại Khu D- phường M- thị xã Đ- tỉnh Q. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Bùi Ngọc M, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 28-8-1996 tại huyện H- tỉnh P. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 6 thị trấn H H- huyện H- tỉnh P. Nơi ở hiện nay: Số *** phố H L 2- L M- quận B- thành phố H. Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị M hiện đang sinh sống tại khu 6 thị trấn H H- huyện H- tỉnh P. Vợ là chị Trần Thị Thu Th; bị cáo có 01 con sinh năm 2021 hiện sinh sống tại số 32 phố H L 2- L M- quận B- thành phố H. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị L: Luật sư Vũ Quang B, Công ty Luật TNHH A, có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thanh T: Luật sư Trần Thị Thu H, Công ty Luật TNHH Tr- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc M: Luật sư Trần Phan D, Công ty Luật TNHH Pe- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị hại: Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V. Địa chỉ: Tầng 2 toà nhà R. Tower, số 9 Đ, phường ***, quận ***- thành phố H C M. Người đại diện theo pháp luật là ông Lô Bằng G, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty. Đại diện theo uỷ quyền là ông Lưu Văn H- Chuyên viên Cao cấp (Theo văn bản uỷ quyền số 39/UQ-AN.22 ngày 15-3-2022), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi liên quan:

1. Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn D

Địa chỉ: Tầng 11 toà nhà D số 8c Tôn Thất Thuyết- M Đ 2- quận N- thành phố H, vắng mặt;

2. Chị Nông Thị T. H, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn Sơn Tr- xã M- huyện L- Y, vắng mặt;

3. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn Sơn B- xã M- huyện L- Y, có mặt;

4. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn Sơn B- xã M- huyện L- Y, có mặt;

5. Chị Nông Thị D, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn Sơn B- xã M- huyện L- Y, có mặt;

6. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn Sơn B- xã M- huyện L- Y, vắng mặt;

7. Chị Hoàng Thị Ng, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn Sơn N- xã M- huyện L- Y, có mặt;

8. Anh Lương Văn Th, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn Sơn Th- xã M- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt;

9. Anh Lương Văn Kh, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn Sơn Th- xã M- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt;

10. Chị Triệu Thị Minh H, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn Sơn Th- xã M- huyện L- tỉnh Y, có mặt;

11. Anh Đinh Duy L, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Tổ 3 phường Hoàng Văn T- quận H M- thành phố H, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác

Người làm chứng:

1. Chị Đặng Thị H

Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y, có mặt;

2. Anh Triệu Đức Q

Nơi cư trú: Tổ 8 thị trấn Y T- huyện L- tỉnh Y, có mặt;

3. Anh Hoàng Văn T

Nơi cư trú: Tổ 8 thị trấn Y T- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt;

4. Chị Lương Thị O

Nơi cư trú: Tổ 8 thị trấn Y T- huyện L- tỉnh Y, có mặt;

5. Chị Nông Thị X

Nơi cư trú: Thôn 1 xã T- huyện L- Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11-2019 Đỗ Thị L lên nhà Mông Thị L. A chơi do trước đây có thời gian L làm nhân viên Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn D (gọi tắt là công ty D S) là Công ty có hợp đồng bán các sản phẩm tài chính của công ty TNHH tài chính Ngân hàng V (gọi tắt là công ty FE CREDIT) nên L biết quy trình, thủ tục vay tiền công ty FE CREDIT, L trao đổi với L. A làm hợp đồng vay tiền của công ty FE CREDIT đứng tên người khác, khi có tiền giải ngân sẽ chiếm đoạt chia nhau. L. A có trách nhiệm lấy thông tin của một số hộ dân ở xã M, huyện L để làm hồ sơ vay vốn (như thông tin Chứng minh nhân dân (CMND), sổ hộ khẩu, hợp đồng bảo hiểm (nếu có)...) L sẽ lo phần thủ tục và trả lời nhân viên thẩm định của công ty FE CREDIT, với mỗi hợp đồng vay theo gói bảo hiểm (có hợp đồng bảo hiểm kèm theo) được vay cao nhất là 70.000.000 đồng. khi được giải ngân L và L. A sẽ chia nhau mỗi người 35.000.000 đồng/ 01 hồ sơ vay, nếu ai có nhu cầu vay vốn thì L sẽ giúp làm hồ sơ, L. A đồng ý, sau đó đăng tin lên tài khoản Facebook “L M” để người có nhu cầu vay tiền biết và liên hệ.

Chị Nông Thị T. H, trú tại thôn Sơn T, xã M (hàng xóm với L. A) sau khi xem Facebook của L. A, do có nhu cầu vay vốn làm ăn nên đã hỏi và được L. A cho số điện thoại của L. Chị H liên lạc với L, L đồng ý làm thủ tục vay 70.000.000 đồng cho chị H, chi phí là 3 triệu đồng.

Đến cuối tháng 11-2019, L rủ Trịnh Thanh T là nhân viên Công ty D cùng đi lên xã M, huyện L, tỉnh Y để tìm khách hàng làm hồ sơ vay tiền, T đồng ý. L thuê taxi cùng T đi đến nhà L. A. Sau đó L. A dẫn L, T đến nhà bà Hoàng Thị D trú tại thôn Sơn B, xã M, huyện L (thuộc diện hộ nghèo- không có nhu cầu vay vốn). Tại đây L. A mượn Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà D, còn L, Tùng dùng điện thoại chụp ảnh bà D, Sau đó, L và T đi sang nhà chị Nông Thị T. H, chụp ảnh Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị H, ảnh chị H rồi L và T quay về Hà Nội. Về đến Hà Nội, L đến gặp một người đàn ông ở đường Tôn Thất Thuyết, thành phố Hà Nội, L quen từ trước để làm bộ bảo hiểm Hanwha life cho hồ sơ vay. L cung cấp thông tin bà D, chị H cho người này, sau đó người này gửi ảnh chụp bộ bảo hiểm Hanwha life mang tên khách hàng là Hoàng Thị D và Nông Thị T. H qua Zalo cho L, L trả người đàn ông này 1,5 triệu đồng/01 bộ bảo hiểm. Ngoài ra do kiểm tra Chứng minh nhân dân của chị H đã dính nợ xấu nên L nhờ người đàn ông này chỉnh sửa số Chứng minh nhân dân của chị H từ “060657...” thành “060657...” với giá 500.000 đồng. L gửi ảnh Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị H qua Zalo cho người đàn ông này, sau đó người này gửi lại ảnh Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị H đã được chỉnh sửa phần số Chứng minh nhân dân và năm sinh của chị H từ “1979” thành “1977”. L mua nhiều sim điện thoại rác để giả làm số liên lạc của bà D, chị H và của người tham chiếu. Sau đó L gửi ảnh chụp bảo hiểm, giấy tờ, thông tin của chị H và bà D (trong đó có các số điện thoại L mua) qua Zalo cho T để T viết vào Giấy đề nghị vay vốn, mỗi hợp đồng vay 70.000.000 đồng. T không thực hiện quy trình từng bước cho vay đối với khách hàng, T gửi ảnh chụp các giấy tờ này lên Hệ thống của công ty FE CREDIT qua phần mềm điện thoại. Sau khi nhận hồ sơ, nhân viên thẩm định của FE CREDIT gọi cho khách hàng và người tham chiếu qua số điện thoại ghi trên Giấy đề nghị vay vốn nhưng thực chất lại là các số sim rác của L. L mua và sử dụng máy điện thoại có chức năng đổi giọng nói lắp các sim điện thoại này, đóng giả khách hàng để trả lời nhân viên thẩm định. Sau khi thẩm định xong, công ty FE CREDIT đồng ý giải ngân các hợp đồng vay này và gửi mã rút tiền đến các số sim rác của L. T xem trên hệ thống và thông báo cho L đã có tiền giải ngân, L thông báo cho L. A. Khoảng ngày 22-11-2019, L cầm điện thoại chứa mã rút tiền lên nhà L. A. L. A gọi bà D, chị H đến nhà mình rồi bảo họ đi ra Bưu điện để rút tiền (do công ty FE CREDIT có hợp đồng với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam cho phép các Bưu điện được thu hộ, chi hộ công ty FE CREDIT và khách hàng của công ty FE CREDIT). Tại Bưu điện huyện L, L dẫn bà D, chị H vào quầy gặp nhân viên bưu điện là chị Hoàng Thị Phương Th làm thủ tục rút tiền. Sau khi kiểm tra Chứng minh nhân dân của bà D, chị H và 2 mã rút tiền trong điện thoại của L, chị Th giao số tiền giải ngân cho bà D và chị H mỗi người 70.000.0000 đồng, lấy tiền xong chị

H đưa cho L 3.000.000 đồng tiền công như thỏa thuận, bà D đưa số tiền 70.000.000 đồng cho L rồi cùng đi về nhà L. A. L và L. A chia nhau mỗi người 35.000.000 đồng.

Bằng cách thức và thủ đoạn nêu trên, tháng 12-2019, L tiếp tục nhờ T nhiều lần cùng đi lên xã M, huyện L, thu thập thông tin khách hàng để làm hồ sơ vay tiền công ty FE CREDIT như sau:

Hồ sơ vay mang tên Hoàng Văn S: Khoảng tháng 12-2019 L và T lên nhà L. A, L. A dẫn L, T đến nhà anh Hoàng Văn S, trú tại thôn Sơn B, xã M, huyện L (người không có nhu cầu vay vốn) để mượn Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh S chụp ảnh anh S và làm hồ sơ vay 70.000.000 đồng đứng tên anh S; T không kiểm tra, thực hiện quy trình từng bước cho vay đối với khách hàng, sau đó để L hoàn thành thủ tục hồ sơ và hợp đồng bảo hiểm chuyển cho T, T đẩy hồ sơ lên hệ thống, khi hồ sơ vay của anh S được công ty FE CREDIT giải ngân thông qua Bưu điện huyện L, L. A bảo anh S đi cùng L ra Bưu điện huyện L và rút được 70.000.000 đồng, anh S đưa hết số tiền này cho L, sau đó L và L. A chia nhau mỗi người 35.000.000 đồng.

Hồ sơ vay mang tên Nông Thị D: L, T được L. A dẫn đến nhà chị Nông Thị D để chụp ảnh làm hồ sơ vay. Do chị D đang đi làm ăn xa không có nhà và L bảo lấy ảnh người khác cũng không ảnh hưởng gì. L. A đã nhờ chị Đặng Thị H, trú tại thôn 4, xã T, huyện L, tỉnh Y (là người bán hàng cho L. A) đi cùng đến nhà chị D. Tại đây, T đã chụp ảnh chị H để làm hồ sơ vay 70.000.000 đồng đứng tên chị D. T không kiểm tra, thực hiện quy trình từng bước cho vay đối với khách hàng, không đối chiếu thông tin hồ sơ vay với người vay. sau đó L hoàn thành thủ tục hồ sơ và hợp đồng bảo hiểm chuyển cho T, T đẩy hồ sơ lên hệ thống, khi hồ sơ vay của chị D được công ty FE CREDIT giải ngân thông qua Bưu điện huyện L, L. A và L đến Bưu điện huyện L rút tiền. L. A cầm Chứng minh nhân dân của chị D, giả làm chị D vào làm thủ tục. Nhưng nhân viên bưu điện là chị Lương Thị B phát hiện L. A là bạn học cũ, không phải chị D nên không cho rút tiền. Sau đó L. A đi ra ngoài đường, nhờ chị Nông Thị X, trú tại thôn 1, xã T, huyện L (là em gái chị D) vào Bưu điện huyện L giả làm chị D để rút tiền. Chị X vào bưu điện rút được 70.000.000 đồng rồi ra đưa cho L. A. L. A và L chia nhau mỗi người được 35.000.000 đồng.

Hồ sơ vay mang tên Hoàng Văn N: Đầu tháng 01- 2020, anh Hoàng Trường Đ, trú tại thôn Sơn T, xã M, huyện L thấy L. A đăng tin trên Facebook nên liên lạc nhờ làm hồ sơ vay cho em của Đ là anh Hoàng Văn N, trú tại thôn Sơn B, xã M. L. A nói với L thì L bảo chi phí làm hồ sơ là 5.000.000 đồng, L. A nói lại cho anh Đ, anh Đ đồng ý. Sau đó L rủ T đi lên nhà anh Hoàng Văn N mượn Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, chụp ảnh rồi làm hồ sơ vay 70.000.0000 đồng đứng tên anh N. Anh Đ có đưa cho L. A 5.000.000 đồng chi phí làm hồ sơ, L. A đưa số tiền này cho L. T không kiểm tra, thực hiện quy trình từng bước cho vay đối với khách hàng. Để L hoàn thành thủ tục hồ sơ và hợp đồng bảo hiểm chuyển cho T, T đẩy hồ sơ lên hệ thống, khi hồ sơ vay của anh N được công ty FE CREDIT giải ngân thông qua Bưu điện huyện L, L. A nhờ anh Hoàng Văn T, trú tại thôn Sơn B, xã M, huyện L (là hàng xóm của L. A) đóng giả làm anh N đi cùng L đến Bưu điện huyện L, rút được

70.000.000 đồng. Rút tiền xong anh T đưa hết số tiền này cho L. L và L. A chia nhau mỗi người được 35.000.000 đồng. L đưa lại 5.000.000 đồng cho L. A mang trả anh Đ và nói là hồ sơ vay của anh N không được giải ngân.

Hồ sơ vay mang tên Hoàng Thị Ng: Khoảng cuối tháng 02- 2020, L lại rủ T cùng đi lên xã M, huyện L làm hồ sơ vay. L. A dẫn L, T đến nhà bà Hoàng Thị Ng, trú tại thôn Sơn N, xã M (thuộc diện hộ nghèo) mượn Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, chụp ảnh và nói là để làm từ thiện...; sau đó L hoàn thiện hồ sơ vay, T không kiểm tra, thực hiện quy trình từng bước cho vay đối với khách hàng. Để L hoàn thành thủ tục hồ sơ và hợp đồng bảo hiểm chuyển cho T, T đẩy hồ sơ lên hệ thống, sau khi hồ sơ vay của bà Ng được công ty FE CREDIT giải ngân thông qua Bưu điện huyện L, L. A nhờ người quen là chị Lương Thị O, trú tại tổ 8, thị trấn Yên Th, huyện L đi cùng L đến Bưu điện huyện L đóng giả làm bà Ng rút được 70.000.000 đồng. Nhận tiền xong chị O đưa hết số tiền này cho L. L và L. A chia nhau mỗi người được 35.000.000 đồng.

Hồ sơ vay mang tên Lường Văn Th, Lường Văn Kh: Khoảng đầu tháng 3- 2020, L rủ Bùi Ngọc M, trú tại khu 6, thị trấn H H, huyện H, tỉnh P, cũng là nhân viên Công ty D cùng đi lên xã M, huyện L để làm hồ sơ vay tiền, M đồng ý. Trên đường đi L bảo M đưa cho L 2 Giấy đề nghị vay vốn để L viết cho nhanh, M ký sẵn tên mình vào mục “Người chứng kiến từ VPB FC” trên 2 Giấy đề nghị vay vốn rồi đưa cho L. Đến xã M, huyện L, L. A dẫn L, M đến nhà anh Lường Văn Th, trú tại thôn Đ, xã M, huyện L mượn Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, chụp ảnh anh Th và nói với mẹ con anh Th là để làm từ thiện. Sau đó L. A tiếp tục dẫn L, M đến nhà anh Lường Văn Kh, trú tại thôn Sơn Th, xã M mượn Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, chụp ảnh anh Kh để làm hồ sơ vay 70.000.000 đồng đứng tên anh Kh (anh Kh không có nhu cầu vay vốn). M không kiểm tra, thực hiện quy trình từng bước cho vay đối với khách hàng theo quy định. Khi về Hà Nội, L tự viết thông tin của anh Th, anh Kh vào 2 Giấy đề nghị vay vốn mà M đưa trước đó, hoàn thành thủ tục hồ sơ và hợp đồng bảo hiểm chuyển cho M, M đẩy hồ sơ lên Hệ thống của công ty FE CREDIT. Sau khi hồ sơ vay của anh Th và anh Kh được công ty FE CREDIT giải ngân thông qua Bưu điện huyện L, L. A nhờ anh Triệu Đức Q, trú tại tổ 8, thị trấn Yên Th, huyện L và anh Hoàng Văn T đến Bưu điện huyện L gặp L để rút tiền. Tại đây L bảo anh Q giả làm anh Kh, anh T giả làm anh Th đi cùng L vào bưu điện, anh Q và anh T mỗi người rút được 70.000.000 đồng (tổng cộng 140.000.000 đồng) rồi đưa hết cho L. L và L. A chia nhau mỗi người 70.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, chị Nông Thị T. H có nhu cầu vay tiền của công ty FE CREDIT và tin Đỗ Thị L, Trịnh Thanh T là nhân viên công ty FE CREDIT, nên nhờ L hoàn thành thủ tục vay vốn, khi được công ty FE CREDIT giải ngân, chị H đã nhận đủ 70.000.000 đồng như thỏa thuận, và thừa nhận khoản vay 70.000.000 đồng đã được đầu tư vào chăn nuôi lợn nhưng do dịch bệnh, chăn nuôi không đạt hiệu quả nên chưa có tiền trả cho công ty FE CREDIT, xét thấy chị H không có hành vi gian dối, không có mục đích chiếm đoạt, Chị H đã thông qua L trả cho công ty FE CREDIT 3.438.000 đồng, do vậy trường hợp này được xác định là quan hệ dân sự.

Đối với Đỗ Thị L, Mông Thị L. A cùng nhau bàn bạc làm hợp đồng vay tiền của công ty FE CREDIT đứng tên: Hoàng Thị D, Hoàng Văn S, Nông Thị D, Hoàng Văn N, Hoàng Thị Ng, Lương Văn Th, Lương Văn Kh, mỗi hồ sơ với khoản vay 70.000.000 đồng x 07 hồ sơ = 490.000.000 đồng, những người này đứng tên trên hồ sơ và không có nhu cầu vay vốn, không được ký vào các giấy tờ liên quan đến thủ tục vay; khi công ty FE CREDIT giải ngân thông qua Bưu điện huyện L, L, L. A đã chiếm đoạt 490.000.000 đồng chia nhau, mỗi người được 245.000.000 đồng. Riêng đối với Đỗ Thị L, sau khi chiếm đoạt 245.000.000 đồng, L đã cho T 6.000.000 đồng, cho M 2.000.000 đồng để không làm ảnh hưởng đến nhân viên làm hồ sơ; trả cho công ty FE CREDIT 3 kỳ đầu của các hợp đồng vay với tổng số tiền là 69.400.407 đồng, còn lại sử dụng cá nhân 167.600.000 đồng (làm tròn số)

Đối với Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M là nhân viên công ty D, quá trình thực hiện nhiệm vụ không kiểm tra, thực hiện quy trình từng bước cho vay đối với khách hàng, các nội quy, quy tắc đã cam kết với công ty D và công ty FE CREDIT, không thu thập hồ sơ, tư vấn cho khách hàng, để Đỗ Thị L, Mông Thị L. A giả tạo hoàn chỉnh 07 hồ sơ khách hàng vay vốn, chuyển cho T, M đẩy lên hệ thống công ty FE CREDIT, để công ty FE CREDIT giải ngân L, L. A chiếm đoạt 490.000.000 đồng, trong đó hành vi thiếu trách nhiệm trong khi thi hành nhiệm vụ của Trịnh Thanh T liên quan đến 05 hồ sơ Hoàng Thị D, Hoàng Văn S, Nông Thị D, Hoàng Văn N, Hoàng Thị Ng gây thiệt hại $05 \times 70.000.000 \text{ đồng} = 350.000.000 \text{ đồng}$; của Bùi Ngọc M liên quan đến 02 hồ sơ Lương Văn Th, Lương Văn Kh gây thiệt hại số tiền $02 \times 70.000.000 \text{ đồng} = 140.000.000 \text{ đồng}$ cho công ty FE CREDIT.

Quá trình đi cùng L lên xã M, huyện L để tìm khách hàng vay vốn, T, M không biết mục đích, thủ đoạn gian dối của L, L. A, cả hai tin tưởng L trước đây là nhân viên công ty D, sau mỗi hồ sơ được giải ngân, L cho 1.000.000 đồng chi phí đi lại, T được L cho 6.000.000 đồng, M được L cho 2.000.000 đồng (số tiền nhận được T, M đã giao nộp Cơ quan CSĐT Công an tỉnh), do khi lập hồ sơ vay T, M đều ngay thẳng, không biết mục đích của L, L. A và do muốn tăng doanh số bán hàng nên không có dấu hiệu đồng phạm với L, L. A.

Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam xác nhận trong hệ thống dữ liệu của công ty không có thông tin 8 khách hàng Hoàng Thị D, Nông Thị T. H, Hoàng Văn S, Nông Thị D, Hoàng Văn N, Hoàng Thị Ng, Lương Văn Th, Lương Văn Kh.

Về vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án:

- Quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Thị L đã tạm giữ 01 Phiếu thu tiền, 01 Bảng phân tích nhu cầu của Công ty Hanwha life Việt Nam; 02 Đề nghị vay vốn của FE CREDIT; 02 Biên nhận thu hộ của Công ty Thế giới di động.

- Ông Lưu Văn H cung cấp 08 tập hồ sơ vay tiêu dùng tín chấp FE Credit (bản photo); 02 bản thông tin ứng viên (bản photo); 01 chiếc USB.

- Bà Triệu Thị Minh H (mẹ Mông Thị L. A) tự nguyện giao nộp số tiền 210.000.000 đồng; Mông Thị L. A tự nguyện giao nộp số tiền 35.000.000 đồng, tổng cộng 245.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

- Anh Đinh Duy L (anh rể Đỗ Thị L) tự nguyện giao nộp tổng số tiền 171.000.000 đồng để thay Đỗ Thị L khắc phục hậu quả.

- Trịnh Thanh T tự nguyện giao nộp số tiền 6.000.000 đồng; Bùi Ngọc M tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại Kết luận giám định số 431/KL-KTHS ngày 22-9-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Y đã kết luận:

1. Chữ ký “D...” ở góc dưới bên phải từng trang; chữ ký “D...”, chữ viết “HOÀNG THỊ D” dưới mục “Cam kết của bên vay” trên bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Thị D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký “D...”, chữ viết “Hoàng Thị D” dưới mục “Người nhận ký” trên giấy Chứng nhận trả tiền (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Thị D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký, viết ra.

Không tiến hành giám định chữ viết có nội dung “70.000.000 bảy mươi triệu đồng” dưới mục “Người nhận ký” trên giấy Chứng nhận trả tiền (ký hiệu A2) do mẫu chữ viết so sánh được cung cấp chưa đầy đủ.

2. Chữ ký “N...” ở góc dưới bên phải từng trang; chữ ký “N...”, chữ viết “Hoàng Văn N” dưới mục “Cam kết của bên vay” trên bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn N trên các mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 không phải do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký “ng...” ở góc dưới bên phải từng trang; chữ ký “ng...”, chữ viết “Hoàng Thị Ng” dưới mục “Cam kết của bên vay” trên bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (ký hiệu A4) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Thị Ng trên các mẫu so sánh ký hiệu M6, M7 không phải do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ ký “S...” ở góc dưới bên phải từng trang; chữ ký “S...”, chữ viết “Hoàng Văn S” dưới mục “Cam kết của bên vay” trên bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (ký hiệu A5) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn S trên các mẫu so sánh ký hiệu M8 đến M12 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký “S...”, chữ viết “Hoàng Văn S” dưới mục “Người nhận ký” trên giấy Chứng nhận trả tiền (ký hiệu A6) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn S trên các mẫu so sánh ký hiệu M8 đến M12 do cùng một người ký, viết ra.

Không tiến hành giám định chữ viết có nội dung “bảy mươi triệu đã nhận đủ 70.000.000” dưới mục “Thông tin dành cho khách hàng” trên giấy Chứng nhận trả tiền (ký hiệu A6) do mẫu chữ viết so sánh được cung cấp chưa đầy đủ.

5. Chữ ký “d...” ở góc dưới bên phải từng trang; chữ ký “d...”, chữ viết “Nông Thị D” dưới mục “Cam kết của bên vay” trên bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (ký hiệu A7); Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người nhận ký” trên giấy Chứng nhận trả tiền (ký hiệu A8) so với chữ ký, chữ viết của Nông Thị D trên các mẫu so sánh ký hiệu M13 đến M16 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Không tiến hành giám định chữ viết có nội dung “đã nhận đủ Bảy mươi triệu đồng 70.000.000” dưới mục “Người nhận ký” trên giấy Chứng nhận trả tiền (ký hiệu A8) do mẫu chữ viết so sánh được cung cấp chưa đầy đủ. (BL 611-612)

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-P2 ngày 30-5-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y đã truy tố:

- Các bị cáo Đỗ Thị L, Mông Thị L. A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 360 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị L, Mông Thị L. A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị cáo Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đỗ Thị L** từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, được trừ thời gian đã tạm giam (03 tháng 17 ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Mông Thị L. A** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm d khoản 1 điều 360; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trịnh Thanh T** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm d khoản 1 điều 360; điều 36; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Bùi Ngọc M** từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng quy định của pháp luật buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà các bị cáo Đỗ Thị L, Mông Thị L. A, Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị L trình bày quan điểm:

Đồng ý với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật. Tuy nhiên mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc. Đỗ Thị L có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, mặt khác hiện tại

gia đình có hoàn cảnh khó khăn, sau khi ly hôn một mình nuôi mẹ già và 02 con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đỗ Thị L đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử cho Đỗ Thị L được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thanh T trình bày quan điểm:

Đồng ý với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật; Trịnh Thanh T không có dấu hiệu đồng phạm với Đỗ Thị L và Mông Thị L. A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội xuất phát từ hành vi của Đỗ Thị L và Mông Thị L. A. Thời gian làm việc tại công ty Trịnh Thanh T đang là cộng tác viên, chưa có kinh nghiệm công tác; không được tập huấn nghiệp vụ. Quá trình hoàn thiện hồ sơ vay tiền cho các khách hàng tại xã M- huyện L do tin tưởng vào Đỗ Thị L là người đã từng làm việc tại công ty, bị L lợi dụng để thực hiện mục đích phạm tội. Trịnh Thanh T có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bố mẹ có nhiều thành tích được khen thưởng, có ông bà ngoại được tặng thưởng Huy chương. Hành vi của Trịnh Thanh T không vì động cơ vụ lợi; hậu quả đã được khắc phục... Bị cáo đủ điều kiện được áp dụng quy định tại khoản 3 điều 54 Bộ luật Hình sự. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc. đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, xử phạt Trịnh Thanh T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc M trình bày quan điểm:

Hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật. Hành vi phạm tội của Bùi Ngọc M là lỗi vô ý; không có sự bàn bạc, thống nhất; không có mục đích vụ lợi. Mức tiền được hưởng lợi thấp và đã được khắc phục. Bùi Ngọc M có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ, hiện tại là lao động chính trong gia đình. Quá trình học tập đạt thành tích cao được khen thưởng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Mẹ Bùi Ngọc M được tặng thưởng nhiều Giấy khen; bản thân Minh có nhiều đóng góp cho quỹ khuyến học và công tác phòng chống dịch Covid tại địa phương. Bị cáo nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật xử phạt Bùi Ngọc M mức án thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị; xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Những người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên toà:

Chị Hoàng Thị D; anh Hoàng Văn S; chị Nông Thị D; chị Hoàng Thị Ng đều xác định cuối năm 2019 đầu năm 2020 Đỗ Thị L, Mông Thị L. A và Trịnh Thanh T đến nhà mượn, chụp ảnh giấy tờ như Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; chụp ảnh chân dung. Bản thân không tham gia bảo hiểm Nhân thọ. Các thông tin cá nhân trong hồ sơ vay tiền là đúng tuy nhiên không ký hợp đồng, không vay tiền của công ty FE CREDIT; không biết mục đích của Đỗ Thị L và Mông Thị L. A, cũng không được hưởng lợi gì từ việc cho mượn Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Chị Triệu Thị Minh H (Mẹ Mông Thị L. A) và anh Đinh Duy L (Anh rể Đỗ Thị L) khẳng định hoàn toàn không biết việc làm hồ sơ vay tiền công ty FE CREDIT mang tên các khách hàng tại xã M của các bị cáo. Quá trình điều tra được các bị cáo nhờ nên chị Hiền đã nộp tiền khắc phục cho Mông Thị L. A, anh Linh đã nộp tiền khắc phục cho Đỗ Thị L. Việc nộp tiền khắc phục là hoàn toàn tự nguyện và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Những người làm chứng có mặt tại phiên toà:

Chị Đặng Thị H xác nhận mình là người làm thuê cho Mông Thị L. A, có được L. A nhờ đến nhà chị Nông Thị D chụp ảnh chân dung. Anh Triệu Đức Q, chị Lương Thị O và chị Nông Thị X xác nhận có quan hệ họ hàng với Mông Thị L. A, được L. A nhờ đến Bưu điện huyện L nhận tiền. Tại Bưu điện được một người phụ nữ (Đỗ Thị L) hướng dẫn, cầm chứng minh nhân dân của người khác, một chiếc điện thoại, ký tên vào mục người nhận tiền; sau khi nhận tiền thì đưa toàn bộ số tiền cho người phụ nữ trên. Tất cả những người làm chứng đều khẳng định không biết mục đích nhờ rút tiền của Đỗ Thị L và Mông Thị L. A, trước đó cũng không bàn bạc, thống nhất, không được hứa hẹn gì.

Trong phần tranh luận, đối đáp với ý kiến của các Luật sư cho rằng mức án đối với các bị cáo mà Viện kiểm sát đề nghị là nghiêm khắc, đại diện Viện kiểm sát khẳng định mức hình phạt trên là phù hợp, đã xem xét toàn bộ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa Đỗ Thị L, Mông Thị L. A, Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện: Từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, Đỗ Thị L và Mông Thị L. A đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách lấy thông tin của 07 cá nhân ở xã M- huyện L gồm Hoàng Thị D, Hoàng Văn S, Nông Thị D, Hoàng Văn N, Hoàng Thị Ng, Lương Văn Th, Lương Văn Kh, giả tạo người vay, giả tạo các hợp đồng bảo hiểm Hanwha life

làm 07 hồ sơ vay với tổng số tiền 490.000.000 đồng của công ty FE CREDIT rồi chiếm đoạt tiền giải ngân.

Đối với Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M là nhân viên của công ty D (Là công ty bán các sản phẩm tài chính của công ty FE CREDIT) được giao nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng, tư vấn, thu thập tài liệu, hoàn thiện hồ sơ vay cho FE CREDIT. Mặc dù không biết mục đích của Đỗ Thị L, Mông Thị L. A giả làm hồ sơ vay tiền của FE CREDIT là để chiếm đoạt nhưng do muốn có doanh số làm hồ sơ vay và tin tưởng vào Đỗ Thị L nên Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M đã không thực hiện đúng, đầy đủ quy trình làm hồ sơ, cụ thể không trực tiếp trao đổi với khách hàng để thu thập thông tin chính xác và điền vào giấy đề nghị vay vốn; không cho khách hàng ký đầy đủ vào giấy đề nghị vay vốn; không trực tiếp thu thập hợp đồng bảo hiểm của khách hàng (Đây là điều kiện của gói vay)... Do thiếu trách nhiệm trong việc tư vấn, lập hồ sơ khách hàng dẫn đến công ty FE CREDIT xét duyệt, giải ngân sai đối tượng 07 hồ sơ để L và L. A chiếm đoạt 490.000.000 đồng của công ty FE CREDIT, trong đó trách nhiệm của T liên quan đến 05 hồ sơ gây thiệt hại 350.000.000 đồng, trách nhiệm của M liên quan đến 02 hồ sơ gây thiệt hại 140.000.000 đồng.

Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của Đỗ Thị L, Mông Thị L. A dùng thủ đoạn gian dối lập hồ sơ vay với tổng số tiền 490.000.000 đồng của công ty FE CREDIT rồi chiếm đoạt là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an. Mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nhằm kiếm tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ được giao trong việc lập hồ sơ khách hàng của Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M là nghiêm trọng, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức gây thiệt hại cho lợi ích của hợp pháp của doanh nghiệp. Mặc dù không mong muốn nhưng do cầu thả đã dẫn đến công ty FE CREDIT bị thiệt hại số tiền 490.000.000 đồng.

Từ phân tích trên có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Đỗ Thị L, Mông Thị L. A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 360 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y đã truy tố. Cụ thể điều luật quy định như sau:

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Điều 360. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng

1. Người nào có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.

...

d) gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đỗ Thị L và Mông Thị L. A có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn vì trong quá trình thực hiện tội phạm các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ. Đỗ Thị L là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực nên giữ vai trò chính trong vụ án. Mông Thị L. A là người thực hành và cùng được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền đã chiếm đoạt nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm.

Xét về nhân thân: Các bị cáo đều là những người chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi vụ án được phát giác các bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cả Đỗ Thị L, Mông Thị L. A, Trịnh Thanh T và Bùi Ngọc M cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình học tập Bùi Ngọc M đạt thành tích cao trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh nên bị cáo này còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra các bị cáo còn có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau:

Bị cáo Đỗ Thị L có mẹ đẻ được tặng nhiều Giấy khen. Trịnh Thanh T có bố đẻ được tặng Giấy khen; mẹ đẻ nhiều năm là Chiến sỹ thi đua, được tặng danh hiệu Giáo viên dạy giỏi; có ông bà ngoại được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến (Bút lục số 566-595). Bùi Ngọc M có mẹ đẻ được tặng Giấy khen; bản thân có những đóng góp tích cực cho Hội khuyến học và công tác phòng, chống dịch Covid tại thị trấn H H- huyện H- tỉnh P được địa phương ghi nhận. Do đó ba bị cáo này còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Đỗ Thị L và Mông Thị L. A có hành vi gian dối lập 07 hồ sơ trong thời gian từ tháng 11- 2019 đến tháng 3- 2020 để chiếm đoạt tiền của công ty FE CREDIT nên hai bị cáo này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cả 04 bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng; trước khi thực hiện

hành vi phạm tội luôn chấp hành tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác toàn bộ thiệt hại của công ty FE CREDIT đã được khắc phục. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Thị L, Mông Thị L. A (Từ khoản 3 xuống khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự).

Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo Đỗ Thị L, Mông Thị L. A là rất nghiêm trọng do đó cần thiết phải cách ly hai bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Hành vi phạm tội của Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M là nghiêm trọng, tuy nhiên nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do kinh nghiệm trong công việc còn hạn chế, tin tưởng vào Đỗ Thị L là người đã từng làm trong công ty, mong muốn tăng doanh số bán ra để đạt chỉ tiêu công ty giao cho. Cả Trịnh Thanh T và Bùi Ngọc M tuổi đời còn trẻ, xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện cho hai bị cáo này có cơ hội học tập, sửa chữa để trở thành công dân tốt trong xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người lao động nhất thời phạm tội.

[3] Hành vi và đối tượng có liên quan: Trong vụ án Đỗ Thị L khai nhận đã thuê một người đàn ông làm giả các hợp đồng bảo hiểm Hanwha life và chỉnh sửa CMND của chị Nông Thị T. H, tuy nhiên việc trao đổi giao dịch trên điện thoại và L nhận lại là các ảnh chụp, sau đó chuyển cho T, M đẩy lên hệ thống FE CREDIT, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được bản in, không có căn cứ xác định nguồn gốc các hợp đồng bảo hiểm Hanwha life, nên không đủ cơ sở xử lý L về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức. L khai không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này, do đó không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với các cá nhân khác gồm: Chị Đặng Thị H là người được Mông Thị L. A nhờ đến nhà chị Nông Thị D để nhóm L chụp ảnh. Tuy nhiên chị Hạnh không biết mục đích chụp ảnh là để làm hồ sơ vay đứng tên chị Duy sau đó L, L. A chiếm đoạt tiền.

Chị Nông Thị X, anh Hoàng Văn T, chị Lương Thị O, anh Triệu Đức Q là những người được Mông Thị L. A nhờ đi cùng Đỗ Thị L rút tiền giải ngân ở Bru điện huyện L. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định mặc dù chị Xuyên, anh Toại, chị Oanh, anh Quốc đã giả làm khách hàng trong hồ sơ vay để rút tiền giải ngân, những người này ngay thẳng, không hưởng lợi, không biết mục đích của L. A và L là lừa đảo chiếm đoạt số tiền công ty FE CREDIT giải ngân.

Các nhân viên Bưu điện huyện L là chị Lương Thị B, chị Thạch Ngọc A, chị Lê Minh Ch, chị Hoàng Thị Phương Th thực hiện nhiệm vụ chi trả tiền cho Công ty FE CREDIT, thực hiện đúng nhiệm vụ, không có dấu hiệu vi phạm.

Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập hình thức xử lý đối với những người này là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, quá trình điều tra không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi liên quan là chị Triệu Thị Minh H, anh Đinh Duy L cũng không yêu cầu Mông Thị L. A, Đỗ Thị L phải hoàn lại số tiền đã nộp khắc phục hậu quả.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Xác nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y đã trả lại cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V số tiền 420.600.000 đồng (Bút lục số 1009b); trả lại anh Đinh Duy L số tiền nộp khắc phục hậu quả thừa cho Đỗ Thị L 3.400.000 đồng (Bút lục số 1010).

- Đối với 01 Phiếu thu tiền, 01 Bảng phân tích nhu cầu của Công ty Hanwha life Việt Nam; 02 Đề nghị vay vốn của FE CREDIT; 02 Biên nhận thu hộ của Công ty Thế giới di động tạm giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Thị L cùng 08 tập hồ sơ vay tiêu dùng tín chấp FE Credit (bản photo); 02 bản thông tin ứng viên (bản photo) và 01 chiếc USB do ông Lưu Văn Hùng đại diện của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V cung cấp được đánh số bút lục lưu trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị L, Mông Thị L. A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị cáo Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2- Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 3 điều 174; điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đỗ Thị L** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Trừ đi thời gian đã bị tạm giam 03 (Ba) tháng 17 (Mười bảy) ngày (Từ ngày 23-8-2022 đến ngày 07-12-2022), **Đỗ Thị L** còn phải chấp hành là 03 (Ba) năm 02 (Hai) tháng 13 (Mười ba) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm a khoản 3 điều 174; điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 54; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Mông Thị L. A** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm d khoản 1 điều 360; điều 36; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trịnh Thanh T** 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm d khoản 1 điều 360; điều 36; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Bùi Ngọc M** 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Trịnh Thanh T và Bùi Ngọc M tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao Trịnh Thanh T cho Ủy ban nhân dân phường M- thị xã Đ- tỉnh Q giám sát, giáo dục. Giao Bùi Ngọc M cho Ủy ban nhân dân thị trấn H H- huyện H- tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 68, điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

3 - Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc Đỗ Thị L, Mông Thị L. A, Trịnh Thanh T, Bùi Ngọc M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với những người có mặt); trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án (Đối với những người vắng mặt).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; Sở Tư Pháp;
- VKSND tỉnh, VKSND huyện;
- Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo; Bị hại; người có QL liên quan;
- UBND phường Mạo Khê- TX Đông Triều;
- UBND thị trấn Hạ Hoà- H, Hạ Hoà- Phú Thọ;
- Lưu HS, T.A, THS, THAHS.

Phan Duy Đô